

Bản án số: 151 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn H**, sinh năm 1981,

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1986,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Philipines.

Anh H, chị T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Đỗ Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/9/2010 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì anh đi lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau.

Đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian vợ chồng xa cách chị T không chung thủy với anh, anh đã trao đổi với chị T để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị T không đồng ý. Tháng 9/2023, anh về nước và xác định không đi lao động tại nước ngoài nữa. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 11/2023, chị T đi lao động tại Philippines đến nay chưa về nước. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể níu kéo đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Đỗ Đại T1, sinh ngày 13/12/2011. Hiện cháu đang ở với anh, ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 cho đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Lê Ngọc T2 (là bố đẻ của bị đơn) trình bày: Về thời điểm kết hôn như anh H trình bày là đúng. Chị T hiện nay đang làm việc tại Philippines nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng xa cách nên không có sự tin tưởng trong cuộc sống. Chị T đã biết việc anh H có đơn xin ly hôn. Quan điểm của chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đỗ Đại T1, sinh ngày 13/12/2011. Chị T đang ở nước ngoài không đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung nên chị đồng ý để anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung, chị nhất trí. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị T đang làm việc tại nước ngoài nên nhờ ông nhận thay các văn bản tố tụng, ông nhất trí.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Đỗ Văn H được ly hôn với chị Lê Thị T; Về quan hệ con chung: Giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đỗ Đại T1, sinh ngày 13/12/2011 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không

yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đỗ Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Lê Thị T. Chị T hiện đang sinh sống và lao động tại Philippines. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị T tại Philippines. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh H và gia đình chị T cung cấp địa chỉ, nhưng anh H và gia đình chị T không cung cấp được. Ông Lê Ngọc T2 là bố của chị T xác định chị T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, ông T2 đã thông báo về việc anh H có đơn xin ly hôn nhưng chị T không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh H đề nghị xin xét xử vắng mặt; chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/9/2010 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì anh H đi lao động tại Nhật Bản. Vợ chồng xa cách nên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh H nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh H xác định không còn tình cảm với chị T có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình chị T có quan điểm của nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H, chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh H được ly hôn chị T phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị T có 01 con chung Đỗ Đại T1,

sinh ngày 13/12/2011, hiện nay cháu đang ở với anh H. Anh H và chị T cùng có quan điểm để anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cần tôn trọng có nguyện vọng của con chung nên chấp nhận thỏa thuận của vợ chồng, giao anh H được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Đại T1, sinh ngày 13/12/2011 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Chị Lê Thị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn H được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Văn H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đỗ Đại T1, sinh ngày 13/12/2011 thời gian tính từ tháng 5/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Lê Thị T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000405 ngày 10/01/2024 (anh H đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

